

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2015

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**  
**Thông tin Công ty**

**Giấy chứng nhận  
đăng ký kinh doanh**

Số 4103005793

ngày 26 tháng 12 năm 2006

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy phép thành lập  
và hoạt động  
công ty quản lý quỹ**

Số 15/UBCK-GPHĐQLD

ngày 28 tháng 12 năm 2006

Số 379/QĐ-UBCK

ngày 22 tháng 6 năm 2007

Số 56/UBCK-GPĐC

ngày 7 tháng 12 năm 2009

Số 30/GPĐC-UBCK

ngày 2 tháng 10 năm 2013

Số 10/GPĐC-UBCK

ngày 20 tháng 5 năm 2015

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Ban Điều hành:  
Hội đồng Quản trị**

Bà Nguyễn Thanh Thảo

Chủ tịch (*bổ nhiệm ngày 20/5/2015*)

Ông Lê Văn Thành Long

Thành viên

Bà Nguyễn Thị Hiền Khanh

Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Vinh Quang

Tổng Giám đốc

(*bổ nhiệm ngày 29/7/2015*)

Bà Nguyễn Thị Hồng Mai

Tổng Giám đốc

(*miễn nhiệm ngày 28/7/2015*)

**Trụ sở chính hoạt động**

Lầu 1, 81/10B, Hồ Văn Huê, Phường 9  
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**  
**Báo cáo của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.


Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý Quỹ (“Thông tư 125”), các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 26 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Thông tư 125, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Điều hành,

  
Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh,

**14 -08- 2015**



**KPMG Limited**

46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72-Storey Building,  
Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area,  
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600  
Fax +84 (4) 3946 1601  
Internet www.kpmg.com.vn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2015 được trình bày từ trang 4 đến trang 26. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

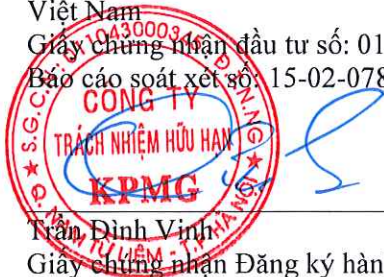
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – *Công tác Soát xét Báo cáo Tài chính*. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo tài chính giữa niên độ*, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý Quỹ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận ngoại trừ đối với báo cáo tài chính giữa niên độ này trong báo cáo soát xét ngày 22 tháng 7 năm 2014 liên quan đến việc không có thông tin giá thị trường của một số cổ phiếu đầu tư chưa niêm yết nên Công ty chỉ dựa vào giá tham khảo không chính thức để lập dự phòng giảm giá cho các cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2014. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng được công ty này kiểm toán và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính năm này trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 2 năm 2015 liên quan đến việc chưa nhận được thư xác nhận cho các khoản tiền đặt cọc mua cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam  
Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345  
Báo cáo soát xét số: 15-02-078/1



Trần Đình Vinh  
Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề  
Kiểm toán số: 0339-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **14 -08- 2015**

Nguyễn Tâm Anh  
Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề  
Kiểm toán số: 0651-2013-007-1

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A</b>	<b>100</b>		<b>25.003.296.545</b>	<b>22.523.580.645</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150)</b>				
<b>I</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>25.000.557.778</b>	<b>328.236.608</b>
	111		100.557.778	328.236.608
	112		24.900.000.000	-
<b>II</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>-</b>	<b>285.082.064</b>
	121		-	330.513.032
	129		-	(45.430.968)
<b>III</b>	<b>130</b>		<b>2.738.767</b>	<b>10.887.000.000</b>
	132		-	300.000.000
	135		2.738.767	10.587.000.000
<b>V</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>11.023.261.973</b>
	151		-	4.367.310
	154	<b>6</b>	-	13.894.663
	158		-	11.005.000.000
	<b>270</b>		<b>25.003.296.545</b>	<b>22.523.580.645</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100)</b>				
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A</b>	<b>300</b>		<b>-</b>	<b>75.688.000</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>				
<b>I</b>	<b>310</b>		<b>-</b>	<b>75.688.000</b>
	312		-	384.000
	314	<b>6</b>	-	1.418.000
	316		-	16.500.000
	323		-	57.386.000
<b>B</b>	<b>400</b>		<b>25.003.296.545</b>	<b>22.447.892.645</b>
	411	<b>7</b>	25.000.000.000	25.000.000.000
	420		3.296.545	(2.552.107.355)
	<b>440</b>		<b>25.003.296.545</b>	<b>22.523.580.645</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>				

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

		Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
6	Chứng khoán lưu ký của Công ty quản lý quỹ	006			- 105.610.000
6.1	Chứng khoán giao dịch	007			- 105.410.000
6.2	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008			- 200.000
8	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	14(a)	5.887.227.587	-
8.1	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		5.887.227.587	-
9	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	14(b)	91.951.400.000	-
9.1	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		91.951.400.000	-
10	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	14(c)	2.809.000.000	-
11	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	14(d)	1.387.504.014	-

Người lập



Bà Lại Hải Hồng  
Kế toán viên

Người kiểm tra



Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng

Người duyệt



Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

14 -08- 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B02a-CTQ

	Mã	Thuyết	Giai đoạn	Giai đoạn
	số	minh	sáu tháng	sáu tháng
			kết thúc ngày	kết thúc ngày
			30/6/2015	30/6/2014
			VND	VND
1	01	Doanh thu	-	-
2	02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>3</b>	<b>10</b>	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	-	-
4	11	Chi phí hoạt động kinh doanh	-	65.091.472
<b>5</b>	<b>20</b>	<b>Lỗ gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	-	<b>(65.091.472)</b>
6	21	Doanh thu hoạt động tài chính	36.891.440	105.837.199
7	22	Chi phí tài chính	34.272.696	(338.829.800)
8	25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	103.123.262	110.858.590
<b>9</b>	<b>30</b>	<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-25}</b>	<b>(100.504.518)</b>	<b>268.716.937</b>
10	31	Thu nhập khác	2.675.842.024	-
11	32	Chi phí khác	2.100.000	-
<b>12</b>	<b>40</b>	<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>2.673.742.024</b>	-
<b>13</b>	<b>50</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>2.573.237.506</b>	<b>268.716.937</b>
14	51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
<b>16</b>	<b>60</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>2.573.237.506</b>	<b>268.716.937</b>
<b>17</b>	<b>70</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.029</b>	<b>107</b>

Người lập

Người kiểm tra

Người duyệt









Bà Lại Hải Hồng  
Kế toán viên

Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

14 -08- 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	2.573.237.506	268.716.937
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Các khoản dự phòng	03	(45.430.968)	(338.829.800)
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	46.254.390	(105.714.000)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>2.574.060.928</b>	<b>(175.826.863)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	21.907.523.206	(292.999.964)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(32.196.663)	(757.431)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(60.324.943)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>24.388.062.528</b>	<b>(469.584.258)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền thu từ bán chứng khoán nợ và chứng khoán vốn	24	279.240.642	-
Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.018.000	105.714.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>284.258.642</b>	<b>105.714.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>24.672.321.170</b>	<b>(363.870.258)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>328.236.608</b>	<b>618.336.225</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>25.000.557.778</b>	<b>254.465.967</b>

Người lập



Bà Lại Hải Hồng  
Kế toán viên

Người kiểm tra



Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng

Người duyệt



Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

14 -08- 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**

**Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

Mẫu B05a-CTQ

	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	1/1/2014	1/1/2015	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối (lũ lũy kế)	(7.558.168.337)	(2.552.107.355)	268.716.937	-	2.629.623.506	(74.219.606)
	<b>17.441.831.663</b>	<b>22.447.892.645</b>	<b>268.716.937</b>	<b>-</b>	<b>2.629.623.506</b>	<b>(74.219.606)</b>
					<b>17.710.548.600</b>	<b>25.003.296.545</b>

Người lập

*Bà Lại Hải Hồng*  
Bà Lại Hải Hồng  
Kế toán viên

Người kiểm tra

*Bà Nguyễn Thị Anh Tú*  
Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng



**14 -08- 2015**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ ban đầu số 15/UBCK-GPHDKD ngày 28 tháng 12 năm 2006. Giấy phép hoạt động của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép số 10/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 5 năm 2015.

Tại ngày 24 tháng 6 năm 2015, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt đã mua 99,2% cổ phần của Công ty và Công ty trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt từ ngày này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 9 nhân viên (31/12/2014: 11 nhân viên).

Các hoạt động chính của Công ty là tiến hành các hoạt động lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo tài chính giữa niên độ*, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý Quỹ (“Thông tư 125”), các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(e) **Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Ban Điều hành Công ty tiếp tục áp dụng Quyết định 15 để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 200 sẽ được áp dụng cho báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo hướng dẫn của Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng và có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) **Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán**

(i) **Ghi nhận, phân loại và đo lường**

Công ty ghi nhận chứng khoán vào ngày Công ty chính thức trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng có hiệu lực của các khoản đầu tư (hạch toán vào ngày giao dịch).

Chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào để bán ra trong ngắn hạn kiếm lời được phân loại là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế cộng với các chi phí mua (nguyên giá); sau đó, được ghi nhận theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá (nếu có). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

**(ii) Dự phòng giảm giá chứng khoán**

Việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 (“Thông tư 89”) và Thông tư số 146/2014/TT/BTC ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 về việc hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ (“Thông tư 146”).

*Dự phòng chứng khoán đầu tư ngắn hạn*

Dự phòng giảm giá chứng khoán được trích lập cho các chứng khoán niêm yết có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Theo Thông tư 146, đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán, Công ty áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Điều hành sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

**(e) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

**(f) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

**(g) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày báo cáo, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(h) Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi có khả năng chắc chắn rằng Công ty sẽ thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu đó có thể được tính toán một cách đáng tin cậy.

**(i) Phí quản lý và tư vấn đầu tư chứng khoán**

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý/tư vấn đầu tư.

**(ii) Thu nhập lãi**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**(iii) Cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 do Bộ Tài Chính ban hành, cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu, các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của các công ty cổ phần không được ghi nhận trong báo cáo tài chính mà chỉ được ghi tăng số lượng cổ phiếu của công ty đó do Công ty nắm giữ.

**(i) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán như được định nghĩa trong Thông tư 125 được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(j) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 125 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**(k) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(l) Phân loại các công cụ tài chính cho mục đích thuyết minh thông tin**

**(i) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

**Các khoản cho vay và phải thu**

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

#### *Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### *Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	-	321.006.385
Tiền gửi ngân hàng	100.557.778	7.230.223
Các khoản tương đương tiền	24.900.000.000	-
	<u>25.000.557.778</u>	<u>328.236.608</u>

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	330.513.032
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(45.430.968)
	<u>-</u>	<u>285.082.064</u>

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	45.430.968	10.465.323.752
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ (Thuyết minh 9)	(45.430.968)	(338.829.800)
Số dư cuối kỳ	<u>-</u>	<u>10.126.493.952</u>

#### 6. Thuế và các khoản phải nộp/(phải thu) Nhà nước

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Phải thu</b>		
▪ Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(13.894.663)
<b>Phải nộp</b>		
▪ Thuế thu nhập cá nhân	-	1.418.000



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ**  
**cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B09a-CTQ**

Biến động thuế trong kỳ như sau:

<b>Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015</b>	<b>Số đầu kỳ</b>	<b>Phải nộp</b>	<b>Đã nộp</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.894.663)	74.219.606	(60.324.943)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.418.000	36.514.050	(37.932.050)	-
	(12.476.663)	110.733.656	(98.256.993)	-

<b>Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Số đầu kỳ</b>	<b>Phải nộp</b>	<b>Đã nộp</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.894.663)	-	-	(13.894.663)
Thuế thu nhập cá nhân	1.098.500	3.324.138	(4.260.569)	162.069
	(12.796.163)	3.324.138	(4.260.569)	(13.732.594)

## 7. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/6/2015</b>		<b>31/12/2014</b>	
	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>	2.500.000	25.000.000.000	2.500.000	25.000.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	25.000.000.000	2.500.000	25.000.000.000

Mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá 10.000 VND và tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được quyền nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Các cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau liên quan đến việc chia tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu Công ty mua lại, toàn bộ các quyền lợi đều bị tạm ngừng cho đến khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

## 8. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi	3.442.166	123.199
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.018.000	105.714.000
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	28.431.274	-
	<u>36.891.440</u>	<u>105.837.199</u>

## 9. Chi phí tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 5)	(45.430.968)	(338.829.800)
Lỗ từ bán chứng khoán	79.703.664	-
	<u>34.272.696</u>	<u>(338.829.800)</u>

## 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	87.382.400	71.741.400
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.000.000	5.660.970
Thuế, phí và lệ phí	6.355.794	3.121.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.131.088	4.073.880
Chi phí khác	1.253.980	26.261.340
	<u>103.123.262</u>	<u>110.858.590</u>

## 11. Thu nhập khác

Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có khoản thu nhập khác là 2.675.842 VND do các cổ đông cũ nộp tiền vào để bù lỗ hoạt động kinh doanh giai đoạn từ khi Công ty thành lập đến ngày chuyển giao cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt theo Hợp đồng mua bán cổ phần giữa các cổ đông cũ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc và Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ký kết vào ngày 6 tháng 8 năm 2014.

## 12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### (a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	2.573.237.506	268.716.937
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	514.647.501	53.743.387
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(1.003.600)	(21.142.800)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(513.643.901)	(32.600.587)
	-	-

(\*) Đây là khoản thu nhập được miễn thuế liên quan đến khoản cổ tức nhận được trị giá 5.018.000 VND (Thuyết minh 8) theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp (giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014: 105.714.000 VND).

### (b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2015		31/12/2014	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	265.040.704	53.008.141	2.833.260.210	566.652.042

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

<b>Năm hết hiệu lực</b>	<b>Tình hình quyết toán</b>	<b>Số lỗ được khấu trừ 30/6/2015 VND</b>	<b>Số lỗ được khấu trừ 31/12/2014 VND</b>
2017	Đã quyết toán	-	253.682.209
2018	Đã quyết toán	265.040.704	2.579.578.001
		<u>265.040.704</u>	<u>2.833.260.210</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp bởi vì Công ty không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Thông tư số 141/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp và Luật Thuế Giá trị Gia tăng, doanh nghiệp có tổng doanh thu năm trước liền kề không quá 20 tỷ đồng được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2013. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 2.573.237.506 VND (giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014: 268.716.937 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 2.500.000 cổ phiếu (giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014: 2.500.000 cổ phiếu).

**14. Báo cáo về hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đang quản lý các danh mục đầu tư chứng khoán của 4 nhà đầu tư ủy thác. Theo các hợp đồng quản lý danh mục đầu tư, nhà đầu tư ủy thác cam kết chấp nhận rủi ro đối với vốn ủy thác và chấp nhận rủi ro có khả năng phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ**  
**cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B09a-CTQ

Báo cáo tài sản và công nợ của các hợp đồng quản lý danh mục đầu tư được ghi ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

		<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản của nhà đầu tư ủy thác</b>			
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	(a)	5.887.227.587	-
Đầu tư ngắn hạn	(b)	91.951.400.000	-
- Cổ phiếu niêm yết		91.951.400.000	-
Phải thu của nhà đầu tư ủy thác	(c)	2.809.000.000	-
		100.647.627.587	-
<b>Nợ phải trả nhà đầu tư ủy thác</b>			
Gốc hợp đồng ủy thác đầu tư		100.000.000.000	-
Lỗi ủy thác đầu tư		(739.876.427)	-
Phải trả của nhà đầu tư ủy thác	(d)	1.387.504.014	-
		100.647.627.587	-
<b>(a) Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác</b>		<b>Giai đoạn</b>	<b>Giai đoạn</b>
		<b>từ 1/1/2015</b>	<b>từ 1/1/2014</b>
		<b>đến 30/6/2015</b>	<b>đến 30/6/2014</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ		-	-
Số tăng trong kỳ		5.887.227.587	-
		5.887.227.587	-
<b>(b) Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác</b>		<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà đầu tư ủy thác trong nước			
- Cổ phiếu niêm yết		91.951.400.000	-
		91.951.400.000	-
<b>(c) Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác</b>		<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu bán chứng khoán		2.809.000.000	-
		2.809.000.000	-

(d) Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải trả mua chứng khoán	1.378.915.178	-
Phải trả phí khác	8.588.836	-
	1.387.504.014	-

**15. Các công cụ tài chính**

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) *Tổng quan*

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) *Khung quản lý rủi ro*

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính của Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

**Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

		30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	25.000.557.778	7.230.223
Phải thu khách hàng và phải thu khác – gộp	(ii)	2.738.767	21.592.000.000
		25.003.296.545	21.599.230.223

**(i) Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng**

Tiền và các khoản tương đương tiền (không bao gồm tiền mặt tại quỹ) của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Công ty cố gắng chọn lọc những khách hàng lịch sử tín dụng tốt và yêu cầu tài sản đảm bảo cần thiết. Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cung cấp dịch vụ và thanh toán cho khách hàng đó.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, tất cả các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đều không bị quá hạn hay giảm giá.

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B09a-CTQ

Thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Dưới 3 tháng VND</b>	<b>Từ 3 tháng đến 1 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Phải trả người bán	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>					
Phải trả người bán	384.000	384.000	384.000	-	384.000
Chi phí phải trả	16.500.000	16.500.000	16.500.000	-	16.500.000



**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trước hợp nhất của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái vì Công ty không có các trạng thái trọng yếu đối với các tiền tệ khác VND, đồng tiền hạch toán của Công ty.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
<i>Tài sản tài chính</i>		
Tiền gửi có kỳ hạn	24.900.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
<b>Công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
<i>Tài sản tài chính</i>		
Tiền gửi không kỳ hạn	100.557.778	7.230.223
	<hr/>	<hr/>

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 804.462 VND lãi thuần của Công ty (31/12/2014: 57.842 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

## 16. Giá trị hợp lý của tài sản và công nợ tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Các khoản vay và phải thu</i>				
▪ Tiền và các khoản trương đương tiền	25.000.557.778	25.000.557.778	328.236.608	328.236.608
▪ Các khoản phải thu	2.738.767	(*)	10.887.000.000	(*)
<i>Tài sản tài chính sẵn sàng để bán</i>				
▪ Cổ phiếu niêm yết	-	-	330.513.032	285.082.064
<i>Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i>				
▪ Phải trả người bán	-	-	(384.000)	(*)
▪ Phải trả khác	-	-	(16.500.000)	(*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## 17. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ và tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có các giao dịch và các số dư chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Số dư tại ngày	
	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt</b>		
Ủy thác danh mục đầu tư	91.123.562.930	-
<hr/>		
	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc</b>		
Lương và thù lao	60.000.000	64.530.000

## 18. Các yếu tố theo chu kỳ

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ các khoản mục sau:

### (a) Thuế

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính toán và quyết toán tại thời điểm cuối năm. Chi phí thuế thu nhập của kỳ kết thúc giữa niên độ được tính theo thuế suất 20% đối với thu nhập trước thuế của kỳ kết thúc giữa niên độ (giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014: 20%).

### (b) Tiền thưởng

Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa trích trước các khoản tiền thưởng cho nhân viên. Các khoản tiền thưởng này sẽ được công bố và ghi nhận vào cuối năm (nếu có).

### (c) Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ sẽ được trích lập vào cuối năm tài chính (nếu có).

### (d) Cổ tức

Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty không có tuyên bố phân phối lợi nhuận nào. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, nếu có, sẽ được công bố trong các quý cuối của năm.

Người lập



Bà Lại Hải Hồng  
Kế toán viên

Người kiểm tra



Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng

Người duyệt



Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

14 -08- 2015